

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Văn bản số 14422/BGTVT-KCHT ngày 15/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc tiếp nhận, quản lý và khai thác sử dụng Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu; ý kiến của Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Văn bản số 1202/CQLXD-CCPN ngày 06/5/2024;

Xét đề nghị của Cục Đường bộ Việt Nam tại Văn bản số 2735/CĐBVN-TC ngày 24/4/2024 về việc đề nghị giao quản lý tài sản đối với các đoạn tuyến đường cao tốc Bắc Nam – Phía Đông và Văn bản số 3050/CĐBVN-TC ngày 09/5/2024 về việc Báo cáo bổ sung các nội dung về công tác đề nghị giao quản lý tài sản đối với các đoạn tuyến đường cao tốc Bắc Nam – Phía Đông; trên cơ sở Biên bản rà soát, phân loại tài sản và các hồ sơ tài liệu có liên quan được gửi kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý các hạng mục, tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải, chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ.

2. Trong quá trình khai thác, phối hợp với Chủ đầu tư các đơn vị có liên quan để theo dõi việc thực hiện các nội dung nêu tại mục 2, phần III của Thông báo số 08/TB-HĐKTTN ngày 17/01/2024 của Hội đồng Kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với dự án thành phần đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020.

3. Kịp thời hạch toán điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc khi có thay đổi, điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Vận tải, Kết cấu hạ tầng giao thông, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Ban Quản lý dự án 7 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục QLCS – Bộ Tài chính;
- Ban QLDA 7;
- Công thông tin Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TC (H).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Lâm

**PHỤ LỤC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2024)

Đơn vị tính: đồng.

TT	DANH MỤC TÀI SẢN	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Giá trị		Tình trạng tài sản
						Nguyên giá	Giá trị còn lại	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	Cầu Mỹ Thuận 2					4.228.309.739.000	4.228.309.739.000	
A	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (bao gồm cả cầu đường bộ dài dưới 25m)	Km	3,62			723.842.104.000	723.842.104.000	
<i>1</i>	<i>Đường dẫn phía bờ Tiền Giang Km101+126 ÷ Km105+451,8 (trừ các cầu Rạch Sơn, An Hữu, cầu Cạn, Mỹ Hưng).</i>	<i>Km</i>	<i>3,24</i>	<i>2020</i>	<i>2024</i>	<i>617.774.152.000</i>	<i>617.774.152.000</i>	<i>Mới đưa vào khai thác</i>
<i>2</i>	<i>Đường dẫn phía bờ Vĩnh Long Km107+358 ÷ Km107+740.</i>	<i>Km</i>	<i>0,38</i>	<i>2020</i>	<i>2024</i>	<i>106.067.952.000</i>	<i>106.067.952.000</i>	<i>Mới đưa vào khai thác</i>
B	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ (Cầu đường bộ có chiều dài trên 25 m)	m2	68.693,40			3.504.467.635.000	3.504.467.635.000	
<i>1</i>	<i>Phần cầu chính Mỹ Thuận 2 và công trình phụ trợ (xe kiểm tra dầm, hệ thống quan trắc sức khỏe cầu và đường gom song hành 6,92 Km từ Km106+013,5 – Km106+663,5)</i>	<i>m2</i>	<i>18.200,00</i>			<i>2.203.129.027.000</i>	<i>2.203.129.027.000</i>	<i>Mới đưa vào khai thác</i>

TT	DANH MỤC TÀI SẢN	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Giá trị		Tình trạng tài sản
						Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Cầu Rạch Sơn, Km101+677	m2	1.012,20			47.713.743.000	47.713.743.000	Mới đưa vào khai thác
3	Cầu An Hữu Km102+289,91	m2	3.892,00			109.654.505.000	109.654.505.000	Mới đưa vào khai thác
4	Cầu Cạn Km103+920,21	m2	13.167,00			271.475.873.000	271.475.873.000	Mới đưa vào khai thác
5	Cầu Mỹ Hưng Km 104+611,08	m2	1.012,20			32.662.140.000	32.662.140.000	Mới đưa vào khai thác
6	Cầu dẫn phía Tiền Giang Km 105+451,80 - 106+013,5	m2	14.042,50			348.990.716.000	348.990.716.000	Mới đưa vào khai thác
7	Cầu dẫn phía Vĩnh Long Km106+663,5-Km107+358,2	m2	17.367,50			490.841.631.000	490.841.631.000	Mới đưa vào khai thác